TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 112/2020/QĐST-HNGĐ	*N, ngày 28 tháng 08 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 193/2020/TLST/HNGĐ ngày 27 tháng 07 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn Liên M, xã X, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Bị đơn: Anh Trần Duy Kh, sinh năm 1993.

HKTT: Số nhà 386 KM7, Tổ 3, khu 3B, phường Q, TP. C, tỉnh Quản Ninh.

Hiện là công nhân thuộc công ty TNHH MTV Công Nghiệp Hạ Long, CFG (Trụ sở: Thôn Liên M, xã X, huyện N, tỉnh Ninh Bình).

Căn cứ vào các điều 147, 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điều 357 và điều 468 Bộ luật dân sự;

Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/216/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 08 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 08 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Chị Nguyễn Thị Th và Anh Trần Duy Kh.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn: Chị Th được trực tiếp nuôi con chung là cháu Trần Ngọc Duy Kh, sinh ngày 25/09/2017 (hiện nay đang ở cùng với chị Th) cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Anh Kh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Th.

Sau khi ly hôn anh Kh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị Th cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Khánh trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trường hợp anh Kh lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Th có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Kh.

2.2 Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3 Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Th nhận nộp cả theo quy định của pháp luật là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị Thủy đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2018/0000589 ngày 27/07/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N. Nay hoàn lại cho chị Th 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh NB;
- VKSND huyện N;
- THADS huyện N;
- UBND xã X;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

NGUYỄN THỊ HƯƠNG QUỲNH